TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠC LIÊU
PHÒNG ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỆ TRUNG CẤP NĂM HỌC 2015 - 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ THỨ TỰ	NGÀNH ĐÀO TẠO	Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
		Từ	31/8/2015	7/9/2015	14/9/2015	21/9/2015	28/9/2015	5/10/2015	12/10/2015	19/10/2015	26/10/2015	2/11/2015	9/11/2015	16/11/2015	23/11/2015	30/11/2015	7/12/2015	14/12/2015	21/12/2015	28/12/2015	4/1/2016	11/1/2016	18/1/2016	25/1/2016	1/2/2016	8/2/2016	15/2/2016	22/2/2016	29/2/2016	7/3/2016	14/3/2016	21/3/2016	28/3/2016	4/4/2016	11/4/2016	18/4/2016	25/4/2016	2/5/2016	9/5/2016	16/5/2016	23/5/2016	30/5/2016	6/6/2016	13/6/2016	20/6/2016	27/6/2016	4/7/2016	11/7/2016	18/7/2016	25/7/2016	1/8/2016	8/8/2016	15/8/2016	22/8/2016
		Đến	5/9/2015	12/9/2015	19/9/2015	26/9/2015	3/10/2015	10/10/2015	17/10/2015	24/10/2015	31/10/2015	7/11/2015	14/11/2015	21/11/2015	28/11/2015	5/12/2015	12/12/2015	19/12/2015	26/12/2015	2/1/2016	9/1/2016	16/1/2016	23/1/2016	30/1/2016	6/2/2016	13/2/2016	20/2/2016	27/2/2016	5/3/2016	12/3/2016	19/3/2016	26/3/2016	2/4/2016	9/4/2016	16/4/2016	23/4/2016	30/4/2016	7/5/2016	14/5/2016	21/5/2016	28/5/2016	4/6/2016	11/6/2016	18/6/2016	25/6/2016	2/7/2016	9/7/2016	16/7/2016	23/7/2016	30/7/2016	6/8/2016	13/8/2016	20/8/2016	27/8/2016
		SỐ LƯỢNG												20/11						1/1	9/1																30/04 01/05																
1	Y SĨ CHUYÊN KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN KHÓA VI	45	ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP Y SĨ						KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH Y SĨ		Lý luận YHCT (45,0)*1H			Lâm sàng CC-PPĐTKĐT (0,60)*1H Lý thuyết CC-PPĐTKĐT (45,30)*1V				Dược và bào chế dược dược (60,30)*V			LS BH Nội Nhi YHCT (0,60)*1H Bệnh học Nội Nhi YHCT (45,0)*1H					LS BH Ngoại Sản YHCT (0,60)*1H Bệnh học Ngoại Sản YHCT (30,0)*1H	Thực tập tốt nghiệp (0,240)*IV										ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP	CHỜ NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP		LỄ TỐT NGHIỆP	KẾT THÚC KHÓA ĐÀO TẠO												
2	Y SĨ CHUYÊN KHOA Y HỌC DỰ PHÒNG KHÓA VI	134										Sức khỏe môi trường (30,30)*1H Sức khỏe nghề nghiệp (30,30)*1H			Dịch tễ học (30,30)*1H Dinh dưỡng-Vệ sinh an toàn thực phẩm (30,30)*1H		Y tế học đường (30,30)*1H			Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe (30,30)*1H					Thống kê - Kinh tế Y tế (45,45)*IV	Thực tập tốt nghiệp (0,240)*IV																											
3	KỸ THUẬT VIÊN XÉT NGHIỆM ĐA KHOA KHÓA X	34	Tổng kết năm học	Bệnh học (45,0)*1H, Xét nghiệm kỹ sinh trùng đường ruột - Đơn bào - Nấm 2 (0,152)*IV						Xét nghiệm vi sinh vật 2,3 (0,170)*V, Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe (17,13)*1I						Xét nghiệm hóa sinh 2 (0,180)*IV, Tổ chức và quản lý y tế (30,0)*1I					Xét nghiệm huyết học 2 (0,60)*1I					Chính trị (55,20)*V, Xét nghiệm huyết học 3 (0,140)*IV			Thực hành bệnh viện (0,240)*V				THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,320)*IV											ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP													
4	ĐIỀU DƯỠNG TRUNG HỌC KHÓA XXII	38		Lâm sàng Chăm sóc Nội 1 (0,120)*1H, Lâm sàng Chăm sóc Ngoại (0,120)*1H																	Lâm sàng CS Nội 2 (0,160)*IV																																			
					Nghề nghiệp và đạo đức người điều dưỡng (30,0)*1I, Kỹ năng giao tiếp - GDSK (30,30)*1H							Chăm sóc sức khỏe trẻ em (30,0)*1I, Y học cổ truyền (15,30)*1I, Chăm sóc người bệnh cấp cứu - chăm sóc tích cực (30,0)*1I										Lâm sàng CS Nội 2: Người cao tuổi (0,40)*1, CS Nhiễm (0,80)*1I, PHCN (0,40)*1																																			
																						Chăm sóc người bệnh chuyên khoa (30,0)*1I																																			
5	HỘ SINH TRUNG HỌC KHÓA XXII	27		Lâm sàng CSSK Trẻ em V1 (0,40)*1, Nhiễm (0,40)*1, Phòng sanh (0,80)*1I								Lâm sàng CSSK Trẻ em V2 (0,60)*1I, Nội V2 (0,60)*1I					Dân số - KHHGĐ (0,100)*1II, Sản phụ 1 (0,100)*1II					Dân số - KHHGĐ (0,100)*1II, Sản phụ 1 (0,100)*1II																																			
				Chính trị (55,20)*V, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ (60,30)*1V, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ (12,8)*1																	Kỹ năng giao tiếp và GDSK (15,30)*1I																																			
6	DƯỢC SĨ TRUNG HỌC KHÓA XIII	86		Bào chế 1 (48,60)*1V, Hóa dược - dược lý 2 (55,36)*V						Bào chế 2 (38,48)*1II, Truyền thông - Giáo dục sức khỏe (18,12)*1I					Quản lý dược (75,0)*V				Thực tế cơ sở (0,80)*1I		Kiểm nghiệm thuốc (45,56)*1V																																			
7	Y SĨ ĐA KHOA KHÓA VII	192		Lâm sàng Nội V2 (0,60)*1, Nhi V2 (0,60)*1, Nhiễm (0,60)*1, Ngoại V2 (0,60)*1, Sản V2 (0,60)*1										Lâm sàng Nhi V2 (0,60)*1, Nhiễm (0,60)*1, Sản V2 (0,60)*1, Cộng đồng (0,60)*1								Lâm sàng Nội V3 (0,40)*1, Nhi V2 (0,60)*1, YHCT (0,40)*1, Ngoại V3 (0,40)*1					Lâm sàng Nội V3 (0,40)*1, Nhi V2 (0,60)*1, YHCT (0,40)*1, Ngoại V3 (0,40)*1																																			
				Sức khỏe trẻ em (75,0)*V, Bệnh học ngoại (60,0)*1V							Sức khỏe sinh sản (60,30)*V, Bệnh truyền nhiễm - xã hội (75,0)*V										Y học cổ truyền (30,40)*1H																																			
8	KỸ THUẬT VIÊN XÉT NGHIỆM ĐA KHOA KHÓA XI	50	LÀM THỦ TỤC NHẬP HỌC		TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN ĐẦU KHÓA	Anh văn 1 (60,30)*V, Giáo dục thể chất (0,60)*1I								Tin học (30,30)*1H, Giải phẫu - Sinh lý (30,30)*1H, Dược lý (30,0)*1I				Vệ sinh phòng bệnh (30,0)*1I, Pháp luật (30,0)*1H		Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu (15,30)*1H								Xét nghiệm kỹ sinh trùng đường ruột - Đơn bào - Nấm 1 (60,0)*1V, Xét nghiệm Hóa sinh 1 (75,0)*V					Xét nghiệm vi sinh vật 1 (75,0)*V, Hóa phân tích (30,30)*1H					Xét nghiệm huyết học 1 (60,0)*1V, Chính trị (55,20)*V				Tổng kết năm học																							
					Chiều: GDQP-AN (30,45)*1H	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản (15,60)*1H																																																	
9	ĐIỀU DƯỠNG TRUNG HỌC KHÓA XXIII	50				Sáng: Anh văn (60,30)*V								Pháp luật (30,0)*1I, Chính trị (55,20)*V, Tin học (30,30)*1H, Giải phẫu - Sinh lý (60,30)*V, Vi sinh - Ký sinh trùng (30,0)*1I																																															
					Chiều: GDQP-AN (30,45)*1H	Giáo dục thể chất (0,60)*1I																																																		
10	HỘ SINH TRUNG HỌC KHÓA XXIII	30			Sáng: GDQP-AN (30,45)*1H	Giáo dục thể chất (0,60)*1I						Tin học (30,30)*1H, Giải phẫu - Sinh lý (45,30)*1V, Dược lý (30,0)*1I					Vi sinh - Ký sinh trùng (30,0)*1I, Điều dưỡng cơ bản - CC BĐ (30,60)*1V																																													
					Anh văn (60,30)*V, Pháp luật (30,0)*1I																																																				
11	DƯỢC SĨ TRUNG HỌC KHÓA XIV	70				Anh văn (60,30)*V																																																			
					Chiều: GDQP-AN (30,45)*1H	Viết - đọc tên thuốc (30,0)*1I					Tin học (30,30)*1H			Pháp luật (30,0)*1I, Giáo dục thể chất (0,60)*1I				Thực vật (30,30)*1H, Y học 1 (30,30)*1H																																												
12	Y SĨ KHÓA VIII	150				Sáng: GDQP-AN (30,45)*1H																																																			
					Chiều: Anh văn (60,30)*V					Anh văn (60,30)*V, Tin học (30,30)*1H				Pháp luật (30,0)*1I, Giải phẫu - Sinh lý (60,30)*V, Giáo phẫu tự chọn (30,0)*1I				Vi sinh - Ký sinh trùng (30,0)*1I, Giáo dục thể chất (0,60)*1I																																									
13	DƯỢC SĨ TRUNG HỌC LIÊN THÔNG KHÓA IX (Học thứ 7 & Chủ nhật: 20 tiết/tuần)	50	LÀM THỦ TỤC NHẬP HỌC						Y học cơ sở 1 (30,30)*1H, Thực hành dược cơ bản (15,30)*1I					Anh văn (45,0)*1H, Thực vật (30,30)*1H				Hóa phân tích 1 (30,30)*1H			Hóa phân tích 2 (30,30)*1H					Dược liệu (30,60)*1V, Hóa dược - Dược lý 1 (30,60)*1V			Dược liệu (30,60)*1V, Hóa dược - Dược lý 1 (30,60)*1V				Hóa dược - Dược lý 2 (30,30)*1H, Y học cơ sở 2 (45,0)*1H				Bào chế (30,30)*1H, Khởi tạo doanh nghiệp (30,0)*1I				Kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm (45,30)*1V, Kỹ năng giao tiếp - GDSK (30,0)*1I													
14	DƯỢC SĨ TRUNG HỌC TẠI CHỨC KHÓA I (Học thứ 7 & Chủ nhật: 20 tiết/tuần)	50							Tin học (30,30)*1H, Viết và đọc tên thuốc (30,0)*1I					Anh văn (60,30)*V, Pháp luật (30,0)*1I				Thực hành dược cơ bản (15,30)*1I		Y học cơ sở 1 (30,30)*1H								Thực vật (30,30)*1H, Hóa phân tích 1 (30,30)*1H					Dược Liệu 1 (60,0)*1V, Hóa phân tích 2 (30,60)*1V				Y học cơ sở 2 (45,0)*1H, Khởi tạo doanh nghiệp (30,0)*1I					Hóa dược - Dược lý 1 (45,60)*V, Chính trị (55,20)*V				Hóa dược - Dược lý 1 (45,60)*V, Chính trị (55,20)*V													
15	DƯỢC TÁ KHÓA 19 (Học thứ 7 & Chủ nhật: 20 tiết/tuần)	100							Chính trị - Pháp luật (45,0)			Viết - đọc tên thuốc (10,20), Y học (66,0)					Dược liệu (60,40)			Bào chế (56,0)					Bào chế (0,60)			Sử dụng thuốc (86,60)								Bảo quản thuốc và dụng cụ y tế (14,16), Quản lý dược (64,12)							Thực tập tốt nghiệp (0,400)											

PHONG TRÀO 9/1

NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,400)*IV
(XN Dược Cà mau: 120t, Khoa dược BV huyện: 120t,
Khoa dược BV tỉnh: 120t, Công ty Dược 20t, Kiểm nghiệm: 20t)

THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,240)*IV

Nghỉ hè

Ghi chú:

- Làm thủ tục nhập học
- Tuần sinh hoạt CD đầu khóa - đầu năm
- Giờ học lý thuyết, giờ học thực hành - thực tập môn học tại trường
- Giáo dục quốc phòng - an ninh
- Giờ học lâm sàng Thực tập tốt nghiệp- Thi tốt nghiệp
- Ngày lễ
- Nghỉ hè - Kết thúc 1 đợt - Nghỉ tết
- Ôn thi tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)
Phạm Ngọc Điệp

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 08 năm 2015
LẬP BẢNG
(Đã ký)
Nguyễn Kim Nhang